TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**
Số: 456/2022/QĐST-HNGĐ	*Quận 12, ngày 04 tháng 5 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 214/2022/TLST-HNGĐ ngày 02/3/2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Người yêu cầu: Ông L, sinh năm 1990

Thường trú: Khu phố 1, S, thành phố T, tỉnh T.

Tạm trú: 320 Tổ 10, Khu phố 4, phường T, Quận Q, Thành phố M.

2. Người yêu cầu: Bà V, sinh năm 1990

Thường trú: Khu phố 1, S, thành phố T, tỉnh T.

Tạm trú: 2/28Bis Tổ 13, Khu phố 5, phường T, Quận Q, Thành phố M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét thấy, tại biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26/4/2022, các đương sự đã thỏa thuận như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông L và bà V xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có 01 con chung tên H, sinh ngày 24/11/2018, ông L, bà V thống nhất giao con chung cho bà Vân trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông Lộc tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng cho đến khi con chung trưởng thành.

[3] Về tài sản chung: Hai bên đương sự xác định không có.

[4] Về nghĩa vụ chung: Hai bên đương sự xác định không có.

[5] Về lệ phí: Ông L, bà V tự nguyện nộp toàn bộ.

Xét thấy việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Tòa án công nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông L và bà V thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 04/2015, do Ủy ban nhân dân S, thành phố T, tỉnh T cấp ngày 23/01/2015).

- Về con chung: Giao người con chung tên H, sinh ngày 24/11/2018 cho bà Vân trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng cho đến khi con chung trưởng thành, việc cấp dưỡng bắt đầu từ ngày 04/5/2022.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và khi bà V có đơn yêu cầu thi hành án; nếu ông L chậm thi hành việc cấp dưỡng nuôi con, thì hàng tháng phải chịu thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền cấp dưỡng. Nếu không có thỏa thuận và có tranh chấp về lãi suất, thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm cấp dưỡng.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi mọi mặt của người con khi cần thiết có thể yêu cầu thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Ông L, bà V xác định không có.

- Về nghĩa vụ chung: Ông L, bà V xác định không có.

2. Về lệ phí Tòa án: 300.000 đồng ông L, bà V phải chịu được cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí ông L, bà V đã nộp theo biên lai thu số 0022842 ngày 02/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, ông L, bà V đã nộp đủ lệ phí

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (Đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2014)".

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Q.12;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Văn Thăng